

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Võ Luyện

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị G, sinh ngày 06/4/1977.

Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: C- Đà Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng: Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1949. Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Đào Xuân L, sinh năm 1968. Nơi thường trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị G vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị G trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đào Xuân L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 02/01/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về tính cách, sở thích và lối sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2011. Trong quá trình sống ly thân anh chị cũng đã tìm cách hàn gắn quan hệ nhưng không có kết quả. Năm 2014 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan và không liên lạc với anh L từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đào Xuân L.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 31/01/1996, con T hiện nay đã trên 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị không đề nghị giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Xuân L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để trình bày ý kiến.

Xác minh tại gia đình chị Lương Thị G, ông Lương Văn Đ là bố đẻ chị G trình bày: chị Lương Thị G kết hôn với anh Đào Xuân L năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, chị G ở nhà còn anh L đi làm ăn xa trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và xảy ra mâu thuẫn, do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhiều năm trước khi chị G đi lao động tại nước ngoài vào năm 2014. Anh chị không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Anh chị có một con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 31/01/1996, hiện đã lập gia đình riêng. Về tài sản: anh chị không có tài sản gì chung, không có nợ chung. Nay chị G xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lương Thị G được ly hôn với anh Đào Xuân L.

** Xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện:* chị Lương Thị G và anh Đào Xuân L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị G đang lao động ở nước ngoài, anh L thì thường đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ từ năm 1995 như chị G và gia đình trình bày. Sau kết hôn, anh chị nảy sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp. Từ năm 2014 chị G đi lao động tại Đài Loan nên vợ chồng mỗi người một nơi. Chị G và anh L có một con là Đào Thanh T, sinh năm 1996, đã xây dựng gia đình riêng. Về tài sản: anh chị sống chung với bố mẹ chồng từ sau khi kết hôn nên cũng không có tài sản gì. Bố anh L đã chết còn mẹ anh L hiện nay già yếu không còn minh mẫn nữa. Nay chị G có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Lương Thị G ly hôn với anh Đào Xuân L, không đặt ra giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con, không giải quyết về tài sản chung vợ chồng, chị G, anh L có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung khi cần. Chị Lương Thị G phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lương Thị G và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Đào Xuân L, vắng mặt, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh L nhưng anh L vẫn không có mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Chị G và anh L kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 02/01/1995, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp về tính cách, lối sống, hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 đến nay, chị G và anh L không cùng chung sống một nhà mà mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm liên hệ với nhau. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân thực tế không còn tồn tại nên chị G xin ly hôn anh L, anh L tuy không có ý kiến trình bày nhưng việc nhiều năm qua anh không quan tâm đến quan hệ vợ chồng thể hiện anh không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Xét mâu thuẫn giữa chị Lương Thị G và anh Đào Xuân L là có thật, đã ở mức trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị G, xử cho chị Lương Thị G ly hôn với anh Đào Xuân L.

[3.2] Về con chung: chị G và anh L có 01 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 31/01/1996, con T đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung: chị Lương Thị G không yêu cầu giải quyết, anh Đào Xuân L không có ý kiến trình bày nên không giải quyết về tài sản trong vụ án này, các đương sự có quyền giải quyết bằng một vụ án khác khi cần.

[4] Chị Lương Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lương Thị G được ly hôn với anh Đào Xuân L.

2. Về con chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Lương Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000429 ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Lương Thị G có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết, anh Đào Xuân L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đông Phong (Số ĐK: 01 ngày 102/01/1995);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền